**KẾ HOẠCH CHỦ ĐỀ: BẢN THÂN – KHỐI 5 -6 TUỔI**

*Thời gian thực hiện 4 tuần*

Từ ngày 07/10/2024 đến ngày 01/11/2024

***1.Các chủ đề nhánh:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Tên chủ đề nhánh** | **Thời gian thực hiện** |
| Tuần 1 | Bé là ai | 07/10 - 11/10/2024 |
| Tuần 2 | Cơ thể bé có gì | 14/10 - 18/10/2024 |
| Tuần 3 | Tôi cần gì lớn lên khoẻ mạnh. | 21/10 - 25/10/2024 |
| Tuần 4 | Những công việc hàng ngày của bé. | 28/10 - 01/11/2024 |

***2. Các mục tiêu thực hiện trong chủ đề:***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Mục tiêu mới** | **MTxuyên suốt** | **MTthực hiện tiếp tục** | **Ghi chú** |
| 1/ LVPTTC | 3; 5; 11; 12; 14; 17; 18; 21 | 1 | 4 | 10 MT |
| 2/ LVPNT | 39; 45; 47; 48; 58 | 34; 35; 36 | 53 | 9 MT |
| 3/ LVPTNN | 63; 65; 77 | 75; 76 |  | 5 MT |
| 4/LVPTTC&KNXH | 78;79; 80; 82 |  | 85 | 5 MT |
| 5/ LVPTTM |  | 106; 107; 109 |  | 3 MT |
| Tổng mục tiêu thực hiện trong chủ đề. | | | | 32 MT |

**3/ Các mục tiêu, Nội dung và hoạt động giáo dục.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mục tiêu giáo dục** | **Nội dung giáo dục** | **Hoạt động giáo dục** |
| **I. Lĩnh vực phát triển thể chất.** | | |
| + **MT1 (sx)**: Trẻ biết thực hiện đúng đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài tập thể dục theo hiệu lệnh. | - Thể dục buổi sáng.  - Thể dục phát triển vận động: Tay, chân, bụng, bật. | + QS trẻ trong giờ TDBS.  + HĐ trong giờ TDKN phần BTPTC.  + QS trẻ trong giờ chơi, giờ tập. |
| **\* MT3:** Trẻ kiểm soát được vận động đi/ chạy đổi hướng theo hiệu lệnh | - Đi, chạy thay đổi tốc độ, hướng, dích dắc theo hiệu lệnh.  - Chạy thay đổi tốc độ, hướng theo hiệu lệnh  - Chạy dích dắc qua 7 điểm  - Chạy chậm 100 – 120m | + HĐHCCĐ(TDKN):  - Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh.  - QS trẻ trong giờ chơi, giờ tập.  - Trao đổi với phụ huynh trẻ. |
| **\* MT4:** Trẻ biết phối hợp tay, mắt trong vận động tung, ném, bắt. | - Tung, đập bắt bóng tại chỗ.  - Đi, đập và bắt được bóng nảy 4-5 lần liên tiếp  - Tung bóng lên cao và bắt bóng  - Ném xa bằng 1 tay, Ném xa bằng 2 tay  - Ném trúng đích bằng 1 tay, 2 tay.  - Chuyền, bắt bóng qua đầu, qua chân.  - Bắt và ném bóng với người đối diện khoảng cách xa 4 m. | + HĐHCCĐ(TDKN):  - Ném xa bằng 1 tay.  - Đi và đập bắt bóng.  \*TC: Tìm bạn, nhảy lò cò.  + QS trẻ trong giờ chơi tự do.  - Trao đổi với phụ huynh trẻ. |
| **\*MT5** (CS:1,2): Trẻ có thể kiểm soát và phối hợp vận động bật, nhảy, (Bật xa tối thiểu 50cm) (Nhảy xuống từ độ cao 40cm) | - Bật xa tối thiểu 50cm và theo khả năng.  - Bật tách chân, khép chân qua 7- 9 ô.  - Bật liên tục vào vòng.  - Bật/ nhảy qua vật cản cao 20 – 25cm | + HĐHCCĐ(TDKN):  - Bật liên tục vào vòng 5 ô  TC: Về đúng nhà.  + QS trẻ trong khi chơi các trò chơi tự do. |
| **\* MT11**:(CS6): Tô màu kín, không chờm ra ngoài đường viền các hình vẽ | - Cầm bút đúng: bằng ngón trỏ và ngón cái, đỡ bằng ngón giữa  - Tô màu đều, không chờm ra ngoài nét vẽ. | - QS trẻ trong HĐG  - QS trẻ trong các giờ tạo hình, toán, MTXQ, chữ cái, chơi tự do… |
| \* **MT12:** Trẻ biết lựa chọn được 1 số thực phẩm khi được gọi tên theo nhóm. | - Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm  - Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá...  - Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả... | - Trò chuyện, trao đổi với trẻ ở mọi lúc, mọi nơi.  - HĐHCCĐ(MTXQ): Một số thực phẩm cần thiết đối với cơ thể trẻ.  - Trao đổi với phụ huynh trẻ. |
| \* **MT14**: Trẻ biết ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh.Uống nhiều nước ngọt, nước ga, ăn nhiều đồ ngọt béo phì không có lợi cho sk | - Nhận biết được các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng,đủ chất.  - Nhận biết được sự liên quan giữa ăn uống và bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì…). | - Tích hợp giáo dục trẻ trong giờ làm quen với môi trường xung quanh.  - HĐG – HĐNT.  - Trò chuyện với trẻ ở mọi lúc mọi nơi. |
| \* **MT17**: Trẻ có 1 số hành vi thói quen tốt trong ăn uống. | - Mời cô và mời bạn khi ăn, ăn từ tốn, không đùa nghịch khi ăn.  - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.  - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường... | - Quan sát, trò chuyện với trẻ trong giờ ăn, ngủ, giờ đón và trả trẻ.  - Trao đổi với phụ huynh trẻ.  - Tạo tình huống |
| \* **MT18:** Trẻ có 1 số thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh | - Vệ sinh răng miệng sau khi ăn, trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy, ra nắng đội mũ, đi tất, khi trời lạnh.  - Che miệng khi ho hắt hơi  - Đi vs đúng nơi quy định  - Bỏ rác đúng nơi quy định; không nhổ bậy ra lớp  - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối vơi sức khỏe con người.  - Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết. | - Quan sát, trò chuyện với trẻ mọi lúc mọi nơi, trong các giờ hoạt động.  - Trao đổi với phụ huynh trẻ.  - Tạo tình huống |
| \* **MT21:** Trẻ nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh | - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm đến tính mạng, nguy cơ không an toàn và mối nguy hại trong khi ăn uống và phòng tránh:  + Cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt...  + Ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ... uống rượu, bia, cà phê; tự ý uống thuốc… | - QS trẻ trong HĐHCCĐ.  - Qua HĐNT.  - Trò chuyện với trẻ ở mọi lúc mọi nơi.  - Q S trẻ trong mọi sinh hoạt hàng ngày. |
| **II. Lĩnh vực phát triển nhận thức.** | | |
| \* **MT34:** Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. | - Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng  - Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10. | - Quan sát trẻ trên tiết họcLQVT, HĐG  - QStrẻ mọi lúc, mọi nơi.  - Trao đổi với PH trẻ |
| \* **MT35:** Trẻ biết so sánh số lượng của 3 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: Bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất. | - Trẻ biết so sánh số lượng của 3 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: Bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.  - So sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 5. | + HĐHCCĐ (LQVT): Nhận biết, so sánh số lượng trong phạm vi 5, nhận biết chữ số 5  - Quan sát trẻ trên tiết học, HĐG, mọi lúc mọi nơi.  - Trao đổi với phụ huynh trẻ |
| \* **MT36:** Trẻ biết gộp/tách các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 theo các cách khác nhau và đếm | - Gộp/tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm.  - Tách/gộp nhóm có 5 đối tượng. bằng các cách khác nhau và đếm. | +HĐHCCĐ (LQVT): Tách gộp trong phạm vi 5  + Quan sát, trò chuyện với trẻ trên tiết học, HĐG, mọi lúc mọi nơi.  + Quan sát trẻ khi trẻ chơi các trò chơi... |
| \* **MT39:** Trẻ biết ghép thành những cặp đối tượng có mối liên quan. | - Trẻ biết ghép thành những cặp đối tượng có mối liên quan. | + HĐHCCĐ: Ghép đôi tương ứng 1/1 thành các cặp đối tượng có liên quan.  - Quan sát và trò chuyện với trẻ trong HĐHCCĐ, mọi lúc mọi nơi... |
| \* **MT45:** Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn. | - Xác định vị trí của đồ vật (phía trước - phía sau: Phía trên - phía dưới: Phía phải - phía trái) so với bản thân trẻ với bạn khác, với 1 vật nào đó làm chuẩn. | + HĐHCCĐ: Toán “Nhận biết vị trí trên dưới, trước sau phải trái của một vật làm chuẩn.”  - Quan sát và trò chuyện với trẻ mọi lúc mọi nơi... |
| \* **MT47:** Trẻ nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện. | - Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình. | + HĐHCCĐ(MTXQ): Bé biết gì về mình.  + Trò chuyện với trẻ ở mọi lúc mọi nơi.  - Trao đổi với phụ huynh trẻ. |
| **\* MT48**: Trẻ nhận ra sự khác biệt giới của bản thân và người khác qua sở thích, nhu cầu, đặc điểm, vai trò, vị thế khác nhau... | - Nhận ra sự khác biệt giới của bản thân và người khác qua sở thích, nhu cầu, đặc điểm, vai trò, vị thế khác nhau... | - Quan sát, trò chuyện với trẻ trên tiết học, HĐG, mọi lúc mọi nơi.  - Trao đổi với phụ huynh trẻ. |
| \* **MT53:** Trẻ biết nói họ tên và đặc điểm các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện. | - Trẻ nói được họ, tên của các bạn trong lớp.  - Nói được 1 số đặc điểm, giới tính, sở thích của các bạn trong lớp.  - Trẻ nói được các hoạt động của mình và các bạn trong trường Mầm non. | + Trò chuyện với trẻ ở mọi lúc mọi nơi.  + Quan sát trò chuyện với trẻ ở HĐHCCĐ, HĐNT... |
| **\* MT58:** Trẻ hào hứng, thích thú và biết thực hiện thành thạo một số thao tác khi tiếp cận với công nghệ số như: Điện thoại thông minh, máy tính, tivi kết nối mạng. … | - Hào hứng, phấn khởi khi tiếp cận với công nghệ số.  - Thích thú khi tham gia học trên máy chiếu.  - Thích thú khi được xem các clip về GDMN trên Youtobe.  - Tự mở xem và tự thoát một số ứng dụng trên điện | - Quan sát, trò chuyện với trẻ trên tiết học, HĐG, mọi lúc mọi nơi.  - Trao đổi với phụ huynh trẻ. |
|  | thoại thông minh.  - Tự mở ti vi kết nối mạng, vào trang Youtobe lựa chon xem một số video, phim hoạt hình, trò chơi …. |  |
| **III. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ và giao tiếp.** | | |
| \* **MT63:** Trẻ biết sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...phù hợp với ngữ cảnh. | - Sử dụng đúng các từ biểu cảm, hình tượng trong câu nói phù hợp với tình huống giao tiếp trong sinh hoạt hàng ngày  VD : Ôi !Sao hôm nay bạn đẹp thế ;Thật tuyệt ;Đẹp quá ; Trời ơi !... | + Quan sát trò chuyện với trẻ ở HĐHCCĐ, HĐNT...  +Trò chuyện với trẻ ở mọi lúc mọi nơi, trong sinh hoạt hàng ngày. |
| \* **MT65:** Trẻ biết miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái...của nhân vật | - Biết miêu tả sự vật, sự việc với nhiều thông tin về hành động, tính cách, trạng thái...của nhân vật.  - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. | + QS trẻ trong mọi sinh hoạt hàng ngày.  + HĐHCCĐ(Văn học):  Truyện: Giấc mơ kỳ lạ  + Q S trẻ ở HĐHCCĐ -HĐNT- HĐG.  + Quan sát trẻ mọi lúc, mọi nơi. |
| \* **MT75:** Trẻ nhận dạng được các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt. | - Trẻ nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt. | + HĐHCCĐ(LQCC):  - LQCC(a, ă, â) Tiết 1  - Quan sát trẻ qua các trò chơi với chữ cái.  -Trao đổi với cha mẹ hoặc người chăm sóc trẻ khi ở nhà việc trẻ nhận biết, phát âm nhóm a, ă, â như thế nào. |
| \* **MT76:** Trẻ biết tô, đồ các nét chữ, sao chép 1 số kí hiệu, chữ cái, tên của mình. | - Tập tô, tập đồ các nét chữ  - Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình  - Làm quen với viết tiếng việt  - Hướng viết từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới  - Hướng viết của các nét chữ  - Biết viết chữ có thể thay cho lời nói  - Biết viết tên của bản thân theo cách của mình | + HĐHCCĐ(LQCC):  - LQCC(a, ă, â) Tiết 2  - Quan sát trẻ khi HĐG, HĐC.  -Trao đổi với cha mẹ hoặc người chăm sóc trẻ khi ở nhà việc trẻ nhận biết và sao chép từ, chữ cái: a, â, ă như thế nào? |
| \* **MT77**: Trẻ biết nghe hiểu, biết đọc, biết nói các từ chỉ người, đồ vật, sự vật, cử chỉ hành động quen thuộc và trả lời được một số câu hỏi đơn giản bằng Tiếng Anh. | - Gọi tên một số đồ vật, con vật, cây cối, hoa, quả, phương tiện giao thông, màu sắc, hiện tượng, hành động đơn giản, quen thuộc gần gũi bằng tiếng Anh  - Nghe, đọc số từ 1 đến 10 bằng Tiếng Anh.  - Nghe và thực hiện hướng dẫn khi tham gia các trò chơi đơn giản, phù hợp | - QS trẻ trong giờ trẻ làm quen với Tiếng Anh |
| **IV. Lĩnh vực phát triển tình cảm xã hội** | | |
| \* **MT78:** Trẻ nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, tên mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại. | - Trẻ nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, tên mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại, tên lớp/trường mà trẻ học… | + QS trẻ trong mọi hoạt động, sinh hoạt hàng ngày qua hoạt động học.  + Mọi lúc mọi nơi.  + HĐNT (Quan sát) |
| **\*MT79**: Trẻ biết tự bộc lộ bản thân không bị ràng buộc bởi giới tính của mình. | - Dạy trẻ bộc lộ bản thân không bị ràng buộc bởi giới tính của mình.  - Nhận ra được một số hành vi ứng xử cần có, sở thích có thể khác nhau giữa bạn trai và bạn gái(VD: bạn gái cần nhẹ nhàng trong khi nói, đi đứng, bạn trai cần phải giúp đỡ các bạn gái bê bàn, xách các đồ nặng; bạn trai thích chơi đá bóng, bạn gái thích chơi búp bê)  - Thường thể hiện các hành vi ứng xử phù hợp | - Quan sát, trò chuyện với trẻ ở mọi lúc, mọi nơi, trong giờ đón và trả trẻ, các giờ HĐ  - Trao đổi với phụ huynh trẻ. |
| **\* MT80:** Trẻ nhận diện được các tình huống các nguy cơ bạo lực giới và xâm hại tình dục.Trẻ biết và có một số kĩ năng phòng tránh xâm hại để bảo vệ bản thân trẻ. | - Phân biệt những bộ phận thuộc vùng riêng tư trên cơ thể bạn trai và bạn gái:  - Một số hành vi đụng chạm an toàn: Đó là khi được người thân như bà, mẹ chăm sóc.  - Một số hành vi đụng chạm không an toàn: Đó là khi bị người lạ ôm hôn; người khác đụng chạm vào vùng kín.  - Cách phòng chống các hành vi xâm hại tình dục.  - Một số kỹ năng thoát hiểm khi bị người xấu khống chế hoặc xâm hại tình dục. | - Trao đổi, trò chuyện cùng trẻ trong mọi hoạt động, mọi lúc mọi nơi.  - Trao đổi với phụ huynh trẻ |
| \* **MT82:** Trẻ nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng) | - Điểm giống và khác nhau của mình với người khác( dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng). | - QS, trò chuyện cùng trẻ trong mọi hoạt động, mọi lúc mọi nơi. |
| \* **MT85:** Trẻ biết tự làm 1 số việc đơn giản hằng ngày( vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...) | - Trẻ biết thực hiện một số công việc phục vụ bản thân: Đánh răng, rửa mặt, chải đầu...  - Chủ động và độc lập trong một số hoạt động: tự giác thực hiện công việc mà không chờ sự nhắc nhở hay hỗ trợ của người lớn  - Tự cất dọn đồ dùng đồ chơi.  - Tự chuẩn bị đồ dùng đồ chơi cho các hoạt động.  - Tự cất bát thìa vào nơi quy định sau khi ăn xong.  - Mạnh dạn , tự tin bày tỏ ý kiến. | - QS, trò chuyện cùng trẻ trong mọi hoạt động: Góc, ăn ngủ, đón trả trẻ, mọi lúc mọi nơi.  - Trao đổi với phụ huynh trẻ. |
| **V. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ.** | | |
| \* **MT106**: Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát, qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cửa chỉ... | - Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát, qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cửa chỉ... | - HĐHCCĐ: (Âm nhạc)  + Hát VĐ: “Múa cho mẹ xem”  + Nghe: “Vì sao con mèo rửa mặt”  + TC: Tai ai tinh  - QS trong HĐG(góc NT).  - QS trẻ trong các buổi biểu diễn văn nghệ. |
| \* **MT107**: Trẻ biết vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức ( vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa). | - Trẻ vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc.  - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.  - Thể hiện nét mặt, vận động (vỗ tay, lắc lư...) phù hợp... | - HĐHCCĐ: (âm nhạc)  +Hát VĐ: Mời bạn ăn.  +Nghe: Thật đáng chê.  - Quan sát trẻ trong giờ biểu diễn văn nghệ.Trong HĐG...  - Quan sát trẻ qua hoạt động ngày hội ngày lễ. |
| \* **MT109**: Trẻ biết phối hợp các kĩ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục | - Phối hợp các kĩ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối. | - QS trẻ trong HĐHCCĐ  - HĐHCCĐ: (tạo hình)  Vẽ bạn trai, bạn gái  - Qua sát trẻ trong giờ HĐG(Góc NT), khi trẻ chơi tự do... |